

Bản án số: 55/2018/DS- PT
Ngày 08/6/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Xuân Hải

Ông Nguyễn Anh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 03/2017/DSST, ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2018/QĐ-PT ngày 06/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm 3, thôn Y, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lưu Thị T, sinh năm 1959 (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Việt D, sinh năm 1984 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 60, N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Chị Đỗ Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là chị Đỗ Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Việt D là bạn với nhau. Vào đầu năm 2016, anh D mở quán kinh doanh cà phê nên có đặt vấn đề hỏi vay tiền của chị để đầu tư kinh doanh, chị cho anh D vay 100.000.000đ vào ngày 14/3/2016. Ngoài ra, ngày 16/02/2016 âm lịch chị cho bà Lưu Thị T là mẹ anh D vay 100.000.000đ, ngày 02/3/2016 cho bà T vay 100.000.000đ và ngày 13/3/2016 chị cho bà T vay 60.000.000đ, bà T có viết giấy biên nhận số tiền trên. Trong giấy biên nhận không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả, mục đích bà T mượn tiền để làm quán. Sau khi cho bà T vay tiền khoảng một tháng chị có đến đòi bà T nhưng bà T không trả. Do vậy, chị yêu cầu Tòa án buộc bà T phải thanh toán cho chị số tiền 260.000.000đ.

Bị đơn là bà Lưu Thị T trình bày: Tháng 8/2015, anh D là con trai bà có mở quán kinh doanh cà phê. Do thấy quán có địa điểm đẹp nên vào đầu năm 2016, chị P, anh Phong là bạn của anh D có đặt vấn đề hợp tác kinh doanh và chuyển mục đích của quán sang nhà hàng bia và ăn uống. Sau đó, chị P, anh Phong và anh D cùng góp vốn và đề nghị bà hỗ trợ một số hoạt động mua sắm, chi tiêu cho việc làm quán. Chị P đã góp tổng số tiền là 360.000.000đ, trong đó chị P đưa cho anh D 100.000.000đ và đưa cho D thông qua bà là 260.000.000đ. Do vậy, khi nhận tiền và viết giấy biên nhận bà ghi rõ nhận tiền để làm quán Club beer garden. Bà xác định số tiền chị P đưa cho bà là tiền chị P góp vốn làm quán chứ không phải bà vay của chị P vì thế bà không đồng ý trả chị P số tiền 260.000.000đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Việt D trình bày: Tháng 3/2016, anh mở quán kinh doanh nên anh và chị P, anh Phong đã thống nhất cùng nhau góp vốn để mở quán bia Club beer garden do anh là người đứng tên trong đăng ký kinh doanh. Trong đó, anh góp vốn bằng toàn bộ quán cà phê đang kinh doanh và tiền thuê đất đã trả định giá là 700.000.000đ; chị P góp toàn bộ số tiền dùng để sửa sang, cải tạo quán với số tiền 360.000.000đ; anh Phong góp 300.000.000đ tiền làm mới âm thanh, ánh sáng. Chị P đã góp đủ số tiền như đã bàn bạc và chị P có đưa trực tiếp cho anh 100.000.000đ và cho bà T là mẹ anh số tiền 260.000.000đ. Số tiền chị P đưa đã dùng để sửa sang lại quán, việc này các thành viên góp vốn đều biết và chị P cũng tham gia các hoạt động như nhận bia tươi, thuê phòng cho nhân viên, mua sắm tài sản khác. Các hoạt động này của chị P đều được ghi lại bằng các chứng từ, hóa đơn, hợp đồng có chữ ký của chị P. Do vậy, việc chị P kiện đòi tiền bà T là không đúng. Việc góp vốn giữa các thành viên để mở quán anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 290; 471; 474; 476; 477 Bộ luật Dân sự; Điều 26; 35; 39, 148, 147, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị P yêu cầu bà Lưu Thị T phải trả cho chị 260.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/12/2017, chị Đỗ Thị P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay chị Đỗ Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của chị Đỗ Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 13/3/2016 âm lịch, bà Lưu Thị T có viết giấy biên nhận với nội dung nhận của chị Đỗ Thị P một số tiền, cụ thể: Đợt 1 ngày 16/2/2016 âm lịch nhận 100.000.000đ; đợt 2 ngày 02/3/2016 âm lịch nhận 100.000.000đ và đợt 3 ngày 13/3/2016 âm lịch nhận 60.000.000đ. Tổng số 260.000.000đ để sử dụng vào việc làm quán Club Beir garden. Chị P cho rằng số tiền này là tiền bà T vay để làm quán nhưng chị cũng không có tài liệu nào chứng minh đó là số tiền bà T vay, bởi khi viết giấy biên nhận bà T có ghi rõ trong giấy biên nhận là dùng tiền vào việc làm quán Club beer garden. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình và căn cứ vào lời khai của những người làm chứng thì có thể xác định số tiền 260.000.000đ chị P đưa cho bà T là tiền chị góp với anh Nguyễn Việt D để sử dụng vào việc mở quán bia. Ngoài ra, việc góp tiền mở quán còn thể hiện ở việc chị P tham gia các hoạt động kinh doanh của quán như ký chứng từ nhận bia cho quán, ký hợp đồng thuê nhà cho nhân viên, mua sắm thiết bị cho quán, mua đồ lễ

cúng. Chị P cho rằng chị tham gia các hoạt động này là làm hộ anh D nhưng không có căn cứ chứng minh đó là việc làm giúp, nhận hàng và ký hóa đơn nhận hàng hộ anh D. Do đó bản án sơ thẩm đã xử bác đơn khởi kiện của chị P là có căn cứ. Như vậy, kháng cáo của chị P là không có cơ sở chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Chị Đỗ Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 290, 471, 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39, 148, 147, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị P yêu cầu bà Lưu Thị T phải trả cho chị 260.000.000đ.

Về án phí: Chị P phải chịu 13.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp 6.500.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2013/01517 ngày 03/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Chị P phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị P đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0000607, ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND TP Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Xuân Hải

Nguyễn Anh Văn

Nguyễn Văn Tính